

TOÀ ÁN ND HUYỆN YÊN THẾ
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 28/2020/DS -ST

Ngày: 10/9/2020

V/v tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ – TỈNH BẮC GIANG**

- Với thành phần HĐXX sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hữu Luyện

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Chiến
2. Bà Nguyễn Thị Cương

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Hoa, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Nông Văn Hội - Kiểm sát viên

Ngày 10/9/2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Thế, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 24/2020/TLST-DS ngày 27/02/2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2020/QĐST-DS ngày 03/8/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Dương Quang K, sinh năm 1973 (Có mặt)

Địa chỉ: GB, ĐM, LG, tỉnh Bắc Giang.

Bị đơn: Anh Vũ Văn C, sinh năm 1983 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố XL, thị trấn Bạ, huyện YT, tỉnh Bắc Giang.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Dương Thị T, sinh năm 1973

Địa chỉ: GB, ĐM, LG, tỉnh Bắc Giang.

ủy quyền cho anh Dương Quang K, sinh năm 1973 (Có mặt)

Địa chỉ: GB, ĐM, LG, tỉnh Bắc Giang.

2. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1986 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố XL, thị trấn Bạ, huyện YT, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo nguyên đơn là anh Dương Quang K trình bày: Do anh làm nghề sắt nên quen biết anh C, chị H, anh có cho chị H, anh C vay hai lần tiền: Lần thứ nhất ngày 15/3/2018 anh C, chị H vay 50.000.000đ mục đích vay để trả tiền cho công nhân, lãi suất thỏa thuận bằng lãi suất ngân hàng là 0,83%/tháng, hai bên có làm giấy biên nhận vay tiền có chữ ký của anh C, chị H.

Lần hai ngày 15/02/2019 anh C đến nhà anh trình bày hoàn cảnh do làm ăn không được nên anh cho anh C vay thêm 84.000.000đ, mục đích chi trả cho việc lấy người đi làm, khi vay thỏa thuận lãi suất là 1%/tháng.

Đến nay anh đã nhiều lần đòi anh C, chị H trả anh khoản tiền gốc và lãi nhưng anh C chị Hằng không trả, do vậy anh yêu cầu Tòa án buộc anh C chị Hằng trả anh số tiền gốc của hai khoản vay ngày 15/3/2018 là 50.000.000đ tiền lãi là 0,83%/tháng tính đến nay, và khoản vay ngày 15/02/2019 84.000.000đ và lãi suất 0,83%/tháng từ khi vay đến nay.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Dương Thị T trình bày:

Vợ chồng chị có cho anh C, chị H vay hai lần tiền: Lần thứ nhất ngày 15/3/2018 anh C, chị H vay 50.000.000đ mục đích vay để trả tiền cho công nhân, lãi suất thỏa thuận bằng lãi suất ngân hàng là 0,83%/tháng, hai bên có làm giấy biên nhận vay tiền có chữ ký của anh C, chị H.

Lần hai ngày 15/02/2019 anh C đến nhà anh trình bày hoàn cảnh do làm ăn không được nên anh cho anh C vay thêm 84.000.000đ, mục đích chi trả cho việc lấy người đi làm, khi vay thỏa thuận lãi suất là 1%/tháng.

Đến nay anh đã nhiều lần đòi anh C, chị H trả anh khoản tiền gốc và lãi nhưng anh C chị Hằng không trả, do vậy anh yêu cầu Tòa án buộc anh C chị Hằng trả anh số tiền gốc của hai khoản vay ngày 15/3/2018 là 50.000.000đ tiền lãi là 0,83%/tháng tính đến nay, và khoản vay ngày 15/02/2019 84.000.000đ và lãi suất 0,83%/tháng từ khi vay đến nay.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế trình bày quan điểm:

Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của

pháp luật như xác định đúng thẩm quyền giải quyết vụ án; xác định đúng tranh chấp; đúng tư cách tham gia tố tụng; xác minh thu thập chứng cứ; thủ tục thụ lý vụ án; thời hạn chuẩn bị xét xử.

Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký tuân theo đúng quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng

- *Nguyên đơn*: Chấp hành đúng quy định tại Điều 70, Điều 71, Bộ luật tố tụng dân sự

- *Bị đơn*: Chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Áp dụng Điều 463, Điều 466; Điều 357, khoản 2 Điều 468, Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 143, Điều 144, Điều 147, Điều 271, Điều 273, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc buộc anh Vũ Văn C, chị Nguyễn Thị H phải thanh toán cho anh Dương Văn Khóa và chị Dương Thị T số tiền gốc là 134.000.000đ và tiền lãi 24.584.600đ, tổng gốc và lãi là 158.584.600đ.

Án phí: Anh C, chị H phải chịu 7.929.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa Tòa án nhân dân huyện Yên Thế nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã Thông báo thụ lý, triệu tập anh C, chị H đến Tòa án làm việc nhưng anh C chị H không đến Tòa án làm việc do đó Tòa án không lấy được lời khai của anh C, chị H. Tại phiên tòa chị H, anh C đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, do đó căn cứ Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt chị H, anh C.

Về nội dung: Về số tiền gốc tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền gốc là 134.000.000đ và tiền lãi phát sinh theo quy định của pháp luật.

Về số tiền gốc Hội đồng xét xử thấy rằng căn cứ vào Giấy biên nhận vay tiền ngày 15/3/2018 và ngày 15/02/2019, anh Khóa cung cấp thì có thể thấy rằng do có quan hệ quen biết nên ngày 15/3/2018 anh Vũ Văn C và chị Nguyễn Thị H vay của anh Khóa số tiền là 50.000.000đ có chữ ký của người vay “*Vũ Văn C, Nguyễn Thị*

H". Ngày 15/02/2019 anh Vũ Văn C vay của anh Khóa số tiền 84.000.000đ có chữ ký người vay "Vũ Văn C". Tòa án đã Thông báo cho chị H, anh C về việc anh Khóa khởi kiện yêu cầu chị trả số tiền cả hai lần là 134.000.000đ nhưng chị H, anh C không ý kiến gì do vậy Tòa án căn cứ vào chứng cứ do nguyên đơn cung cấp xác định anh Vũ Văn C, và chị Nguyễn Thị H có vay và còn nợ anh Khóa số tiền của hai lần vay là 134.000.000đ.

Về tiền lãi: Khi vay hai bên không thỏa thuận lãi suất, nên căn cứ khoản 2 Điều 468 thì lãi suất là 10%/năm tương ứng với 0,83%/tháng.

Khoản vay thứ nhất từ ngày 15/3/2018 đến nay tính tròn là 29 tháng $50.000.000đ \times 0,83\% \times 29 \text{ tháng} = 12.035.000đ$;

Khoản vay thứ hai: từ ngày 15/2/2019 đến nay tính tròn là 18 tháng: $84.000.000đ \times 0,83\% \times 18 \text{ tháng} = 12.549.600đ$

Tổng gốc của hai khoản vay là $50.000.000đ + 84.000.000đ = 134.000.000đ$; tổng lãi là 24.584.600đ, tổng gốc và lãi là 158.584.600đ

Để đảm bảo quyền lợi cho người được thi hành án cần áp dụng Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: Yêu cầu của anh Khóa là có căn cứ nên không phải chịu án phí; anh C, chị H phải chịu án phí.

Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

Áp dụng Điều 463, Điều 466, Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 143, Điều 144, Điều 147, Điều 271, Điều 273, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14; Điều 2 Luật thi hành án dân sự;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc anh Vũ Văn C, chị Nguyễn Thị H phải thanh toán cho anh Dương Văn Khóa và chị Dương Thị T số tiền gốc là 134.000.000đ và tiền lãi 24.584.600đ, tổng gốc và lãi là 158.584.600đ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: Anh Vũ Văn C và chị Nguyễn Thị H phải chịu: 7.929.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Dương Quang K không phải chịu án phí. Hoàn trả anh Khóa số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.806.000đ tại biên lai thu số AA/2014/0004650 ngày 27/02/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Thế.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho đương sự có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết theo thủ tục tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Yên Thế;
- Chi cục THADS huyện Yên Thế;
- Các đương sự;
- Lưu HS./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hữu Luyện

